

Q326C062766
(TPTN26011385)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/06/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu : **RẮC CƠM CHÀ BÔNG DINH DƯỠNG CỬU LONG**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dụng cụ chứa: hũ nhựa
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 29/05/2026
- Thời gian thử nghiệm : 29/05/2026 - 09/06/2026
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH NATURA CỬU LONG**
Số 803 đường Nguyễn Duy Trinh, Khu phố 2, Phường Long Trường,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

Q326C062766
(TPTN26011385)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/06/2026

Trang/ Page: 2/3



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Escherichia coli	CFU/g	ISO 16649-2:2001	< 10 ^(a)	-
7.2	Hàm lượng Borax (hàn the)	g/100g	TCVN 8895:2012	KPH ⁽¹⁾	-
7.3	Hàm lượng axit benzoic (acid benzoic)	mg/kg	TCVN 8471:2010 (HPLC-UV)	KPH	10
7.4	Hàm lượng axit sorbic	mg/kg	TCVN 8471:2010 (HPLC-UV)	KPH	10
7.5	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11) (ICP-OES)	KPH	0,03
7.6	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11) (ICP-OES)	KPH	0,03
7.7	Hàm lượng natri (Na)	mg/100g	QUATEST3 1111:2023 (Ref: AOAC 969.23)	847	-
7.8	Hàm lượng nitrit	mg/kg	TCVN 8160-4:2009 (HPLC-UV)	KPH	10
7.9	Salmonella spp.	/25g	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020	KPH	-
7.10	Staphylococcus aureus	CFU/g	AOAC 975.55	< 10 ^(a)	-
7.11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022	9,1 × 10 ⁴	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C062766
(TPTN26011385)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.12	Năng lượng (*)	kcal/100g	QTTN/KT3 024:2018	376	-
7.13	Hàm lượng protein	g/100g	QUATEST3 1057:2023 (Kjeldahl method)	48,0	-
7.14	Hàm lượng carbohydrat không bao gồm chất xơ	g/100g	AOAC 2020.07	3,62	-
7.15	Hàm lượng chất béo	g/100g	QUATEST3 1056:2023 (Có thủy phân)	18,8	-

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- Hàm lượng protein: Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng
- (a): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị "< 1 CFU/ mL" hoặc "< 10 CFU/ g" khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- AOAC: Association of Official Analytical Chemists
- (1): Phạm vi đo / Range of measurement ($\geq$): 0,01 g/100g

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.